

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 17 tháng 7 năm 2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Thân Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Ngày 17/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLST-DS ngày 01/7/2025 (Thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang cũ) về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-DS ngày 09/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn YT, xã TH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn YT, xã YT, tỉnh Bắc Ninh).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là bản TM, xã XL, tỉnh Bắc Ninh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn YT, xã TH, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn YT, xã YT, tỉnh Bắc Ninh).

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (nay là bản TM, xã XL, tỉnh Bắc Ninh).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Quốc H trình bày:*

Gia đình ông có kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Do có mối quan hệ quen

biết nên ông có bán cám chogia đình Bà H chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Ông bắt đầu bán cám cho gia đình Bà H từ năm 2011 đến tháng 12 năm 2012 thì hai bên không mua bán nữa. Khi mua bán hai bên thỏa thuận hết lúa chăn nuôi (khoảng 03-04 tháng) thì gia đình Bà H phải trả ông toàn bộ tiền cám đã mua. Sau khi chốt sổ ngày 18/10/2014 gia đình Bà H còn nợ vợ chồng ông số tiền là 14.210.000 đồng. Đến ngày 19/01/2023 Bà H trả 1.000.000 đồng, ngày 06/01/2024 trả tiếp 1.000.000 đồng. Từ đó đến nay gia đình ông đã đòi rất nhiều lần nhưng gia đình Bà H không trả cho ông thêm đồng nào. Nay ông yêu cầu Bà Phạm Thị H và Ông Nguyễn Văn H phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc làm tròn là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng); tiền lãi tính từ ngày 18/10/2014 đến ngày 18/02/2025 theo mức 0,75%/tháng x 124 tháng = 11.345.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 23.545.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Ông yêu cầu Bà H, Ông H phải tiếp tục trả lãi cho ông theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2025 và lời khai tại phiên tòa, ông H sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện: Đến ngày 03/4/2025 Bà H đã trả thêm cho vợ chồng ông số tiền là 1.000.000 đồng nên ông chỉ yêu cầu vợ chồng Bà H phải trả vợ chồng ông số tiền gốc là 11.200.000 đồng (mười một triệu hai trăm nghìn đồng), tiền lãi theo mức 0,75%/tháng, tính từ ngày 18/10/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, Bà Phạm Thị H trình bày: Gia đình bà có mua cám của gia đình ông H từ năm 2011 để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Bà xác nhận đến ngày 06/01/2024 thì bà còn nợ ông H số tiền là 12.200.000 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền nợ này chỉ có 5.200.000 đồng là bà nợ ông H, còn lại là bà nhận nợ thay cho chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1971 ở bản TM, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang (do là hàng xóm và vì tình cảm nên bà ký nhận nợ hộ). Việc nhận nợ hộ bà Tuyết chỉ là thỏa thuận miệng giữa bà và chị Tuyết, không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Đến ngày 03/4/2025 bà đã thanh toán trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu bà trả số tiền 11.200.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng thì bà chỉ đồng ý trả số tiền 4.200.000 đồng, về tiền lãi bà không đồng ý trả vì lí do chăn nuôi thua lỗ chứ không phải vay mượn tiền.

\* *Tại bản tự khai ngày 22/4/2025, Bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Quốc H. Gia đình bà làm chủ hộ kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Do có mối quan hệ quen biết nên gia đình bà có bán cám cho gia đình Bà Phạm Thị H để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng bà bắt đầu bán cám cho gia đình Bà H năm 2011 đến tháng 12 năm 2012 thì hai bên không mua bán nữa. Khi mua bán hai bên thỏa thuận hết lúa chăn nuôi (khoảng 03-04 tháng) thì gia đình Bà H phải trả bà toàn bộ tiền cám đã mua.

Sau khi chốt sổ ngày 18/10/2014 gia đình Bà H còn nợ vợ chồng bà số tiền là 14.210.000 đồng. Đến ngày 19/01/2023 Bà H trả 1.000.000 đồng, ngày 06/01/2024 trả 1.000.000 đồng, ngày 03/4/2025 trả tiếp 1.000.000 đồng, ngày 03/4/2025 Bà H đã trả thêm cho vợ chồng bà số tiền là 1.000.000 đồng. Nay bà chỉ yêu cầu vợ chồng Bà H phải trả vợ chồng bà số tiền gốc là 11.200.000 đồng (mười một triệu hai trăm nghìn đồng), tiền lãi của số tiền 11.200.000 đồng theo mức 0,75%/tháng, tính từ ngày 18/10/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

\* Tòa án tiến hành lấy lời khai, đối chất với bà Nguyễn Thị Tuyết nhưng bà Tuyết không cung cấp lời khai, không tham gia đối chất.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn là Bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông H không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 275, Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440, Điều 444, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H: buộc Bà Phạm Thị H và Ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả ông H, Bà L tổng số tiền là 23.188.741 đồng, trong đó: số tiền gốc mua cầm còn nợ là 11.200.000 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 18/10/2014 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng là 10.833.000 đồng.

- Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, Bà Phạm Thị H phải chịu 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] . Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông H khởi kiện Bà H, Ông H yêu cầu trả tiền mua cầm còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản”. Bà H, Ông H có địa chỉ cư trú tại bản TM, xã ĐT (nay là bản TM, xã XL, tỉnh Bắc Ninh) nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Phục lục kèm theo của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, Bà Phạm Thị H, Ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bà H, Ông H và Bà L.

Về việc chấp hành pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H và Bà Nguyễn Thị L chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Phạm Thị H, Ông Nguyễn Văn H chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự được thực hiện năm 2012, đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự.

## **[2]. Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H về việc yêu cầu Bà Phạm Thị H, Ông Nguyễn Văn H trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các tài liệu do ông H cung cấp, lời khai của ông H, Bà L và Bà H có đủ cơ sở khẳng định: ông H bán cám cho Bà H, Ông H để chăn nuôi gà phát triển kinh tế gia đình từ năm 2011 đến tháng 12 năm 2012 thì hai bên không mua bán nữa. Đến ngày 18/10/2014 hai bên chốt nợ Bà H, Ông H còn nợ ông H số tiền gốc là 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm nghìn đồng); Đến ngày 19/01/2023 Bà H trả 1.000.000 đồng, ngày 06/01/2024 trả 1.000.000 đồng, ngày 03/4/2025 trả tiếp 1.000.000 đồng. Hiện tại Bà H, Ông H còn nợ vợ chồng ông H số tiền là 11.200.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm mười nghìn đồng). Bà H thừa nhận có nợ ông H số tiền 11.200.000 đồng nhưng chỉ đồng ý trả 4.200.000 đồng, không đồng ý trả 7.000.000 vì lý do nhận nợ thay cho bà Tuyết. Hội đồng xét xử nhận định: Việc mua bán cám là thỏa thuận tự nguyện giữa ông H và Bà H, Ông H. Bà H khai nhận nợ 7.000.000 đồng thay cho bà Tuyết nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, việc thỏa thuận nhận nợ thay giữa Bà H và bà Tuyết là thỏa thuận riêng giữa hai bên, ông H không biết và không đồng ý việc nhận nợ thay. Việc ông H, Bà L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, hàng hóa được mua bán là thức ăn chăn nuôi để phục vụ phát triển kinh tế gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung của Bà H và Ông H.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ để chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi: Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 430 của Bộ luật dân sự thì: “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng; 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Bà H và Ông H đã ngừng mua cám với ông H ngày 06/12/2012. Theo thỏa thuận của các bên thì Bà H và Ông H phải thanh toán trả tiền còn nợ cho ông H sau khoảng 03 đến 04 tháng (vào khoảng 3-4/2013). Đến ngày 18/10/2014 hai bên chốt nợ, ông H yêu cầu tính lãi từ ngày 18/10/2014 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là có căn cứ để chấp nhận.

- Về mức lãi suất 0,75%/tháng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Số tiền lãi Bà H, Ông H phải trả ông H, Bà L là: 11.200.000 đồng x 128 tháng 29 ngày = 10.833.000 đồng (mười triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi Bà H, Ông H phải trả ông H, Bà L là: 11.200.000 đồng + 10.833.000 đồng = 22.033.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng).

**[3]. Về án phí:** Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Ông Nguyễn Văn H thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244; Điều 288; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147; Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 430; Điều 434; Khoản 3 Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Bà Phạm Thị H, Ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Nguyễn Quốc H và Bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 18/10/2014 đến ngày 17/7/2025 là 10.833.000 đồng (mười triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 22.033.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về tiền án phí: Ông Nguyễn Quốc H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Quốc H số tiền 588.000 đồng (Năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001937 ngày 04/3/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện YT (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh) thu.

Ông Nguyễn Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H phải chịu 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2-Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Trang**